

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ, TRANG NGHIÊM,  
THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH.**

**Tập 8**

**Chủ giảng: Cô Lưu Tố Vân**

**Giảng ngày 17/3/2018**

**Chuyển ngữ: Ban biên dịch Hoa Tạng Huyền Môn**

**Chủ giảng chánh: Thích Thiện Trang**

**Diễn đọc: Kiều Hạnh**

Chư vị đồng tu tôn kính, xin chào mọi người. A Di Đà Phật!

Tiếp theo, chúng tôi xin giảng tiếp nội dung của buổi học trước.

Mời mọi người xem hai câu Kinh văn: **“Phá phiền não thành, hoại chur  
dục tiệm”**. Hai câu Kinh văn này, chính là giúp đỡ tất cả chúng sanh hàng  
phục ma oán.

Tiếp tục xem câu kệ tiếp: **“Tỷ trạc cấu ô, hiển minh thanh bạch”**.  
Hai câu Kinh văn này, phần đầu là phá mê, phần sau là khai ngộ. “Cấu ô”  
chính là nhiễm ô. Ngày nay, thân tâm nhân loại ô nhiễm, đến mức chưa từng  
có. Tâm địa ô nhiễm, tinh thần ô nhiễm, thể chất ô nhiễm, chẳng thiếu thứ  
nào. Những ô nhiễm này không ngoài hai loại lớn: một là phiền-não-chướng,  
hai là sở-tri-chướng. Phiền-não đến từ tham sân si mạn nghi. Sở-tri là tri kiến,  
tà tri tà kiến. Ví dụ như cách suy nghĩ, cách nhìn của chúng ta vân  
vân... Những thứ này đều thuộc về tà tri tà kiến. Trong tâm thanh tịnh vốn

chẳng có một vật, đâu ra nhiều thứ như vậy! Cái này của tôi, cái kia của tôi, cần tẩy trừ sạch sẽ những thứ này, khôi phục Tự-tánh thanh tịnh.

Câu Kinh văn “hiển minh thanh bạch” nghĩa là cần làm cho chân-tâm Bản-tánh của chúng sanh: được hiển lộ ra. Đó là mục đích giáo học của kinh Phật. Nếu có người hỏi quý vị, nội dung mà đức Thích Ca Mâu Ni Phật: giảng Kinh thuyết Pháp là gì? Quý vị hãy nói những câu này với họ, thì một chút cũng chẳng sai.

Mục đích giáo học của Kinh Phật chính là: “Giác chư thế gian, phá phiền não thành, hoại chư dục tiệm, tẩy trạc cấu ô, hiển minh thanh bạch”. Những câu này chính là mục đích giáo học của Kinh Phật. Mọi người nghĩ xem, trong câu nói này chẳng có gì mê tín.

Bây giờ chúng ta quay lại, đem đại ý của cả đoạn Kinh văn lớn phía trước: tổng kết một chút. Trong đoạn Kinh văn này, thiên nhân biết Bồ-tát thị hiện thành Phật, họ hết sức ngưỡng mộ, hoan hỉ, kiền thành cung thỉnh Đức Phật diễn thuyết chánh pháp. Đức Phật tiếp nhận lời thỉnh cầu của thiên nhân, vì đại chúng thuyết pháp 49 năm, giúp đỡ tất cả chúng sanh giác ngộ.

Những lời dạy và đạo lý mà Phật nói, có thể giúp đỡ chúng sanh: phá trừ phiền não kiên cố như tham sân si v.v.. hàng phục hết thảy dục vọng sai lầm của chúng sanh, trừ khử ô nhiễm trong tâm, tư tưởng và kiến giải, hiển bày sự thanh tịnh vốn có của Tự-tánh. Đây là mục đích thuyết Pháp giáo hóa chúng sanh của kinh Phật. Đoạn tổng kết khái quát này, chính là ý nghĩa đoạn Kinh văn phía trước mà chúng tôi đã nói.

Mời mọi người tiếp tục xem đoạn Kinh văn:

調眾生，宣妙理，貯功德，示福田。以諸法藥，  
救療三苦。 “Điều chúng sanh, tuyên diệu lý, trữ công đức, thị phước  
điền, dĩ chư pháp dược, cứu liệu tam khổ” (*điều phục chúng sanh, tuyên  
thuyết diệu lý, tích công lữ đức, chỉ thị phước điền. Dùng các pháp dược  
cứu chữa ba khổ*).

Tiếp theo tôi sẽ giảng những từ ngữ cụ thể. Chữ “Điều” trong “điều  
phục chúng sanh” là điều phục, dạy dỗ. “Tuyên” trong “tuyên diệu lý” nghĩa  
là diễn thuyết. “Diệu lý” là chân tướng của vũ trụ nhân sanh. “Trữ” trong  
“trữ công đức” là tàng trữ, tích lữ. “Công đức” là chỉ cho tâm thanh tịnh có  
được từ tu Giới Định Huệ. “Thị” là chỉ thị. “phước điền” nghĩa là có thể sanh  
phước. “Chư Pháp” chỉ cho tất cả Pháp mà Phật nói. “Dược” là tỉ dụ. “Tam  
khổ” là ba thứ khổ nào?

Khổ thứ nhất là khổ khổ. Thế nào gọi là khổ khổ? Là nỗi khổ phiền-não do  
sự khổ sinh ra. Xin nói lại lần nữa, “khổ khổ là nỗi khổ phiền-não do sự khổ  
sinh ra”.

Thứ hai là hoại khổ: là sự khổ não sinh ra từ việc mất đi niềm vui.

Thứ ba là hành khổ: là khổ não sinh từ sự biến hóa vô thường. Đây là ý nghĩa  
về ba loại khổ trong “cứu liệu tam khổ”.

Tiếp theo nói về “điều chúng sanh”. “điều chúng sanh” tức là giúp đỡ chúng  
sanh đoạn phiền-não. Dùng phương pháp gì để điều? Theo Tịnh tông chúng  
ta mà nói, phương pháp Tịnh tông dùng là đọc Kinh. Mục đích của đọc Kinh  
là điều phục thân tâm, đọc Kinh không phải để cầu giải, đọc Kinh là hoàn  
thành Tam học Giới Định Huệ trong một lần. Đọc Kinh nhất định không  
được cầu giải, đây là điều lão Pháp sư nói với chúng ta, “đọc Kinh nhất định

không được cầu giải”. Nếu quý vị vừa đọc vừa suy nghĩ: câu Kinh văn này nghĩa là gì, đó là đọc sách của thế gian.

Đọc Kinh chính là Tam học: Giới Định Huệ. Nếu quý vị đọc Kinh: theo kiểu vừa đọc vừa suy nghĩ ý nghĩa của Kinh văn, đọc Kinh kiểu như vậy, thì Tam học Giới Định Huệ đều không có. Quý vị vừa đọc vừa suy nghĩ, chính là khởi vọng tưởng. Kết quả là không có Giới, không có Định, cũng không có Huệ.

Cho nên đọc Kinh cần phải lão thật mà đọc, nhất định không được suy nghĩ: đoạn này có nghĩa là gì, chữ này có nghĩa là gì, không được khởi vọng tưởng như thế. Nếu trong lúc quý vị đọc Kinh, ý nghĩa đột nhiên xuất hiện, thì không phải do quý vị nghĩ ra, không phải do quý vị suy tư ra, không liên quan đến việc này, đó là tương ưng, quý vị đã có chỗ ngộ. Như tôi thường nói với mọi người: giống như một bóng đèn nhỏ đột nhiên sáng lên, dù có chỗ ngộ nhưng cũng đừng để ý đến, trong tâm không được dính mắc đến, cứ tiếp tục lão thật mà đọc. Nhất định không nên cho rằng ý nghĩa này rất hay, đó cũng là vọng tưởng, lại sai rồi. Căn bản là không được để ý nó, một mực lão thật đọc tiếp, vậy thì đúng rồi. Đồng tu Tịnh tông chúng ta, chọn đọc tụng Kinh Vô Lượng Thọ. Bộ kinh này dài ngắn vừa phải, thuộc rồi thì sẽ đọc nhanh hơn, nửa giờ là đọc xong, chậm hơn một chút thì một giờ cũng đọc xong. Tôi đọc Kinh Vô Lượng Thọ tương đối chậm, ước chừng tốc độ thông thường, là khoảng 70 phút thì đọc xong bộ kinh.

Ở đây tôi muốn nói rằng: Trong quá trình tôi nghe lão Pháp sư giảng Kinh, ngài từng nói một đoạn thế này, chúng ta hiện nay đọc Kinh, có người đọc giống như ở Chùa, tức là gõ mõ và tụng rất nhanh. Lão Pháp sư nói: Cư sĩ chúng ta ở nhà đọc Kinh cùng với phương pháp đọc Kinh ở Chùa, cần có sự khác biệt nhất định. Bởi vì sao? Lão Pháp sư nói với chúng ta: khi quý vị

đang đọc một bộ Kinh nào đó, thì có rất nhiều chúng sanh hữu tình, chúng sanh vô tình: có thể đều đang nghe, có thiên nhân khi đi ngang qua đây cũng dừng chân lại, đến nghe quý vị đọc tụng Kinh điển. Nếu quý vị gõ mõ và tụng: với tốc độ nhanh như vậy. Họ không nghe rõ quý vị đang đọc điều gì, nghe không rõ thì: dễ khiến chúng sanh phiền-não. Lão Pháp sư nói với chúng ta, phương pháp đọc Kinh chính xác: là niệm từng chữ từng câu thật rõ ràng, để chúng sanh nghe được rõ ràng minh bạch, như vậy là đúng.

Cách nói này của tôi, có thể làm tham khảo cho chư vị đồng tu. bởi vì hiện nay tôi cũng biết rằng, chung quanh tôi có đồng tu: đọc Kinh với tốc độ rất nhanh. Dù sao với tôi mà nói tụng Kinh Vô Lượng Thọ, trong nửa giờ đồng hồ. Bất luận thế nào tôi cũng không đọc được.

Nếu mỗi ngày chúng ta đều nghiêm túc: tu Giới Định Huệ trong nửa giờ, một giờ, lia niệm, lia tướng, không khởi vọng tưởng, thì được nhiều lợi ích. Nếu mỗi ngày đọc thêm nhiều lần thì đương nhiên là tốt nhất, đọc từ 3 đến 5 năm thì tâm sẽ định. Sau khi định, thì trí huệ sẽ hiện tiền, sẽ khai ngộ. Đến khi khai ngộ, thì tất cả pháp thế xuất thế gian, không có pháp nào mà quý vị chẳng thông đạt. Đây là con đường tu hành mà chư Phật Bồ-tát, Tổ sư Đại đức ban cho chúng ta, bắt đầu từ đọc Kinh. Đây là phương pháp tu học rất tốt.

Đương nhiên vẫn có rất nhiều phương pháp hạ thủ, ví dụ tu Tịnh-độ thì niệm A Di Đà Phật. Thiên-tông thì tham cứu, tham thoại đầu, quán tâm. Mật-tông thì dùng phương pháp trì chú v.v... Có thể thấy phương pháp tuy rất nhiều, nhưng mục tiêu vẫn là một, đều phải xả bỏ vọng tưởng chấp trước khôi phục lại tâm thanh tịnh, đây chính là “điều chúng sanh”.

Nói đến “điều chúng sanh” chúng ta phải làm rõ chúng sanh là ai? Nhất định không được hiểu lầm, chúng sanh không phải chỉ cho rất nhiều người,

chúng sanh chính là chúng ta. Tôi xin nói lại câu này: “Nhất định không được hiểu lầm, chúng sanh không phải chỉ rất nhiều người, chúng sanh chính là chúng ta”. Thân thể của chính mình là do chúng duyên hòa hợp mà sanh, cho nên “điều chúng sanh” chính là điều phục thân tâm của chính mình. Điều phục thân mình, điều phục tâm mình, thân và tâm đều là chúng duyên hòa hợp mà thành. Nếu thân không thanh tịnh, tâm không thanh tịnh, thì quý vị không tiếp nhận Phật pháp được. Vì vậy Phật pháp rất coi trọng thân tâm khỏe mạnh. Thân tâm đã được điều phục, thì mới có tư cách tiếp nhận Phật pháp. Cho nên “điều chúng sanh” ở trước, “tuyên diệu lý” ở sau, thứ tự này không thể đảo ngược.

Thế hệ học Phật chúng ta đây, số lượng người đông như thế, vì sao không thể thành tựu? Nguyên nhân là chưa điều phục được thân tâm, mà đã học tập Phật pháp Đại thừa. Cũng học không ít Kinh điển, nhưng trí huệ không tăng trưởng, mà tăng trưởng tà tri tà kiến. Thân tâm cần phải được điều phục, thân tâm được khôi phục khỏe mạnh, rồi tiếp nhận Phật pháp mới có thể tăng trưởng trí huệ.

Lão Pháp sư nêu lên một ví dụ thế này, chúng ta thân cận một vị thầy, nếu ban đầu mà vị thầy đó: không dạy chúng ta hạ công phu từ đức hạnh, mà mỗi ngày giảng Kinh thuyết pháp cho chúng ta, thì đó không phải là thiện tri thức chân thật, mà là vị thầy hồ đồ. Ví dụ một chén trà rất dơ, quý vị cầm chén trà này xin thầy nước để uống, thầy rót nước cho quý vị uống, quý vị uống xong sẽ bị bệnh. Nếu là thầy tỏ ngộ, thì nhất định dạy quý vị rửa sạch chén trước, sau đó sẽ rót nước cho quý vị uống. “Điều chúng sanh” chính là rửa chén cho sạch sẽ, sau mới có thể “tuyên diệu pháp”. “Điều chúng sanh” là đoạn phiền-não, “tuyên diệu pháp” là học Pháp môn. Thứ tự này không thể đảo ngược.

Đồng tu học giảng Kinh cần chú ý một vấn đề, đó là nghiên cứu Kinh điển và đọc tụng Kinh điển, nhất định phải phân nặng nhẹ, chánh trợ. Ví dụ: Nếu quý vị mỗi ngày nghiên cứu Kinh điển: dùng thời gian 2 giờ, thì thời gian quý vị đọc tụng Kinh điển thế nào? Không được ít hơn 6 giờ. Đọc tụng là chánh, nghiên cứu là trợ. Trước tiên không được vội vàng giảng Kinh, trước phải xây dựng nền tảng giảng Kinh cho tốt. Điều này hết sức quan trọng, là chỗ mà những Pháp sư trẻ chúng ta dễ khinh xuất. Chúng ta có một số Pháp sư trẻ tuổi: phát tâm muốn giảng Kinh hoằng pháp, nóng lòng muốn hiện tại có thể giảng Kinh, tâm ấy khá nóng vội, vậy không được. Lão Pháp sư nói với chúng ta: trước tiên không nên vội vàng giảng Kinh, mà trước phải xây tốt nền tảng giảng Kinh. Mọi người nghĩ xem có phải vậy không? Nếu nền tảng của quý vị không xây tốt, mà quý vị bắt đầu giảng Kinh, một là nền tảng chưa vững, hai là duyên đã chín muối hay chưa? Việc này cũng rất quan trọng. Nếu duyên của quý vị chưa chín muối, mà quý vị bắt đầu lo giảng Kinh, thì có thể pháp duyên của quý vị sẽ không thù thắng. Nếu cơ duyên đã chín muối, nền tảng của quý vị xây tốt rồi, thì pháp duyên của quý vị sẽ rất thù thắng.

Tiếp theo xem “trữ công đức”, “trữ” là tích trữ. Công đức này rất khó tích trữ. Nhà Phật thường nói “lửa thiêu rừng công đức”, nghĩa là công đức giống như một khu rừng, trồng lên rất khó khăn nhưng thiêu rụi thì rất dễ dàng. Một ngọn lửa là thiêu sạch hết. Đồng tu chúng ta có thể đều cảm nhận như thế. Vì sao lão Pháp sư lại nhắc nhở chúng ta: nhất định không được để lửa thiêu rừng công đức? Bởi vì quý vị đã vất vả: tích lũy những công đức đó, nhưng tức giận một lần, nổi giận một lần, thì tất cả công đức đều bị đốt hết, đều biến thành số không, quý vị phải làm lại từ đầu. Tiếp tục tích chứa đến một mức nào đó, quý vị lại nổi nóng một lần, rừng công đức lại bị thiêu rụi. Đến sau cùng, có thể rừng công đức của quý vị chẳng còn chút nào, chỉ

còn con số không. Quý vị học Phật nửa đời, một đời chẳng phải là uổng phí sao.

Từ ý nghĩa này mà nói, ý nghĩa chân thật của công đức “trữ công đức” là muốn chúng ta đoạn trừ sân khuê; đoạn tham, tu bố thí, trì giới là tu công đức. Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định có thể giữ gìn công đức. Hai câu sau rất quan trọng, tôi xin nói lại lần nữa: “Đoạn tham, tu bố thí, trì giới là tu công đức. Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định có thể giữ gìn công đức”. Nếu quý vị tu công đức, mà quý vị không Nhẫn nhục, không Tinh tấn, quý vị không có Thiền định, thì công đức của quý vị sẽ mất, không giữ gìn được.

Phước điền là gì? Phước điền là Bố thí, là Trì giới. Ở thế gian người thế nào có phước? Người trì giới có phước. Theo cách nói dân gian, thì người tuân thủ pháp luật có phước, người chịu bố thí có phước. “Thị phước điền” là trước khi tu huệ phải tu phước. Bắt đầu tu phước từ đâu? Bắt đầu tu từ Tịnh nghiệp Tam phước. Theo thứ tự này, tu phước nhất định phải tu huệ. Vậy bắt đầu tu phước từ đâu? Bắt đầu tu từ Tịnh nghiệp Tam phước. Mọi người đều rất quen thuộc Tịnh nghiệp Tam phước. Tôi xin nói lướt qua một chút, để mọi người ôn tập lại một lần.

Phước thứ nhất trong Tịnh nghiệp Tam phước là hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự Sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập thiện nghiệp. Phước thứ nhất là phước báo nhân thiên.

Phước thứ hai là: thọ trì Tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi. Phước này là phước báo của Nhị-thừa A-la-hán, và Bích-chi-Phật.

Phước thứ ba là phát Bồ-đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại-thừa, khuyến tấn hành giả. Đây là phước báo của Bồ-tát.



Ba phước này có sự khác biệt. Thứ nhất là phước báo trời người, phước thứ hai là phước báo của Nhị-thừa: A-la-hán và Bích-chi-Phật, phước thứ ba là phước báo của Bồ-tát.

Tiếp theo chúng ta xem đoạn Kinh văn phía trước: biểu đạt điều gì? Ý nghĩa của đoạn Kinh văn này là: điều phục dạy bảo chúng sanh, vì đại chúng tuyên thuyết chân tướng của vũ trụ nhân sanh.

Phật dạy chúng ta đoạn tham sân si, tu giới định huệ, xa lìa tất cả vọng-tưởng phân-biệt chấp-trước, tinh tấn nỗ lực, tích lũy công đức. Ngài nói với chúng ta đạo lý và phương pháp tu phước, Phật nói tất cả pháp giống như thuốc hay: có thể cứu chữa và điều trị hết thảy khổ nạn của chúng sanh. Đó là tổng kết khái quát của đoạn Kinh văn trên. Tiếp theo xin mọi người xem đoạn Kinh văn kế tiếp.

**昇灌頂階，授菩提記。為教菩薩，作阿闍黎，常習相應無邊諸行，成熟菩薩無邊善根。無量諸佛 咸共護念。** “Thăng quán đỉnh giai, thọ Bồ-đề ký. Vị giáo Bồ-tát, tác A-xà-lê, thường tập tương ưng vô biên chư hạnh, thành thực Bồ-tát vô biên thiện căn. Vô lượng chư Phật hàm cộng hộ niệm”. *(Lên địa vị quán đỉnh, thọ ký Bồ-đề. Vị giáo hóa Bồ-tát nên làm A-xà-lê, thường tu tập vô biên các hạnh tương ưng, thành thực vô biên thiện căn cho hàng Bồ-tát. Vô lượng chư Phật đều cùng hộ niệm).*

“Thăng quán đỉnh giai” nghĩa là gì? Là dùng tâm đại từ bi: đem phương pháp tu học cao nhất truyền lại cho chúng ta, đây gọi là “thăng quán đỉnh giai”. “Thăng” là nâng lên, “quán” chỉ cho sự hộ niệm của tâm đại từ bi. “Đỉnh giai” chỉ cho phương pháp tu học tối cao. “Giáo” là dạy dỗ.

“A-xà-lê” tiếng Hoa nghĩa là “Quỹ-phạm-su”, vị thầy dạy thiện pháp thường được gọi là “Quỹ-phạm-su”. “Thường tập” là học tập kiên trì lâu dài không gián đoạn. “Tương ưng” là chỉ sự kết hợp giữa lý luận và thực tiễn. “Thành thực” chính là thành tựu. “Thiện căn”, “thiện” là thân khẩu ý Tam nghiệp đều không có lỗi lầm, “căn” tỉ dụ có thể sanh trưởng thiện pháp. “Vô lượng” là không có hạn lượng. “Hộ” là bảo hộ, “niệm” là nhớ niệm. Bên trên đã giải thích đơn giản: những từ ngữ liên quan cho mọi người.

Tiếp theo chúng ta xem hai câu Kinh văn đầu “Thăng quán đánh giai, thọ Bồ-đề ký”. Hai câu Kinh văn này chỉ sự thành tựu, giảng thành tích dạy học của Phật Bồ-tát. “Thăng” giống như đi học, mỗi năm đều lên lớp, từ Tiểu học lên Trung học, từ Trung học lên Đại học, từ Đại học lại lên Nghiên cứu sinh. Tiếp tục lên đến địa vị quán đánh. Địa vị quán đánh này, tương đương với Viện nghiên cứu của Phật giáo, là địa vị cao nhất của Bồ-tát, “quán đánh” là tốt nghiệp rồi, thông thường chỉ cho Bát-địa trở lên.

Địa vị quán đánh nếu nói một cách khắt khe là Bồ-tát Thập-địa. Phật thọ ký cho họ, nói trước với họ tương lai đến thế giới nào làm Phật, có danh hiệu là gì, độ bao nhiêu chúng sanh, đó là thọ ký.

Chúng ta nhất định không được hiểu sai: ý nghĩa chân thật của quán đánh. “Quán” nghĩa là dùng tâm đại từ bi hộ niệm chúng sanh. “Đánh” là đem Phật pháp thù thắng nhất truyền cho quý vị. Cho nên còn gọi là “đánh pháp”, đó là quán đánh. Tức là dùng tâm đại từ bi ban cho quý vị: Phật pháp thù thắng nhất, đây là quán đánh thực sự.

Hiểu rõ ý nghĩa thực sự của quán đánh rồi, liền biết Pháp môn cao nhất, thù thắng nhất là gì vậy? Chính là bộ Kinh Vô Lượng Thọ này. Bộ Kinh Vô Lượng Thọ này: là đánh pháp đệ nhất trong tất cả Kinh: mà đức Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết trong 49 năm, là đệ nhất đánh pháp. Nhờ tâm đại từ bi

của chư Phật Như Lai hộ niệm, mà chúng ta ngày nay may mắn đạt được bộ Kinh này. Chúng ta đọc bộ Kinh này từ đầu đến cuối một lần, chính là mười phương chư Phật Như Lai quán đánh cho quý vị một lần. Chúng ta đọc 10 lần Kinh Vô Lượng Thọ, một ngày đọc 10 lần, thì chính là chư Phật Bồ-tát quán đánh cho quý vị 10 lần. Quán đánh như vậy thật cừ khôi. Đó là quán đánh thật sự.

[28:30 – cắt trên Video Lạt-ma của thế gian, Kim Cang Thượng sư Rinpoche đều không sánh bằng, những quả đánh đó chỉ là hình thức, không phải là thật. ] Mười phương Như Lai quán đánh cho quý vị mới là thật. Về sự quán đánh, tình hình chúng ta nhìn thấy trước mắt, là các vị đồng tu: không biết thế nào là quán đánh đích thực, nên đã đi sai đường. Hôm nay tôi đem lý niệm này nói cho mọi người một lần, hy vọng chư vị đồng tu có thể nhận thức chính xác: thế nào là quán đánh chân thật. Cho nên Kinh Vô Lượng Thọ: không những là bộ kinh đệ nhất của Hiền-tông, mà còn là bộ kinh đệ nhất của Mật-tông. Thế nhưng người có thể nhận thức được như vậy, thật sự không nhiều, hiếm có khó gặp. Ngày nay chúng ta có thể gặp được sao lại không cảm thấy may mắn chứ.

“Thăng quán đánh giai, thọ Bồ-đề ký”: là chỉ chúng sanh có thiện căn có phước đức. Kinh A Di Đà nói rằng, “không thể với chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về nước đó”. Quý vị có thể gặp được bộ Kinh này, chứng minh rằng: quý vị có nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên. Tiếp nhận Pháp môn niệm Phật, tín giải phụng hành chính là “thăng quán đánh giai, thọ Bồ-đề ký”, quý vị đời này vãng sanh bất thoái thành Phật. Hai câu này là thành quả giáo học của Phật Bồ-tát.

Tiếp theo là 2 câu: “Vị giáo Bồ-tát, tác A-xà-lê”, bản thân sau khi thành tựu phải: phát nguyện hành Bồ-tát đạo, giáo hóa lợi ích tất cả chúng sanh,

thay Phật tuyên dương Pháp môn đệ nhất: thù thắng, cứu cánh, viên mãn. A-xà-lê chính là thầy giáo, cũng gọi là “Quý phạm sư”, lời nói hành vi của họ có thể làm gương cho chúng ta, làm mô phạm cho chúng ta. Một câu thường được nói trong nhà Phật là: “Trong cửa Phật chẳng bỏ sót một ai”, chúng ta chân thật phát tâm cầu đạo Vô thượng thì sẽ gặp được thầy thực sự tốt. Chỉ e rằng chúng ta không có tâm chân thành, gặp được cũng vô ích, cũng như không. Vì vậy phát tâm chân thành vô cùng quan trọng.

Câu tiếp theo là: “Thường tập tương ưng vô biên chư hạnh”, phải đem những lời dạy của Phật trong Kinh thực hành vào cuộc sống thường ngày. Câu Kinh văn này dạy chúng ta: phải đem lý luận liên hệ với thực tế. Bồ-tát muốn giáo hóa chúng sanh thì phải đa tài đa nghệ, vậy mới có sức thu hút và sức quy tụ, mới có được pháp duyên thù thắng, mới có thể giáo hóa nhiều chúng sanh hữu duyên hơn nữa.

Câu Kinh văn tiếp theo: “Thành thực Bồ-tát vô biên thiện căn”. “thành thực” chính là sắp sửa làm Phật, công đức viên mãn thì mới thành thực. Vô lượng vô biên thiện-căn, chúng ta ngày nay đã đạt được. Phật Bồ-tát độ chúng sanh, phải độ đến khi nào mới ngưng vậy? Phải độ cho đến khi nào quý vị thành Phật. Từ đây chúng ta có thể thấy: ân đức của Phật Bồ-tát đối với chúng ta lớn biết bao. Cha mẹ chúng ta dù yêu thương chúng ta đến đâu, thì cũng chỉ chăm lo cho chúng ta được một đời. Duy chỉ có Phật Bồ-tát chăm sóc cho chúng ta: vĩnh viễn đời đời kiếp kiếp, cho đến khi chúng ta thành Phật. Ân đức lớn của Phật không gì so sánh được. Ngài chính là một người có đại ân đại đức đối với chúng ta, mà chúng ta lại hay xem thường, hay sơ xuất bỏ qua, thường quên mất Ngài, thế nhưng mỗi phút mỗi giây Phật đều không quên chúng ta. Giống như con cái ở thế gian: thường quên mất cha mẹ, nhưng cha mẹ vĩnh viễn: ghi nhớ con cái trong tâm.

Câu Kinh văn tiếp theo: “Vô lượng chư Phật hàm cộng hộ niệm”. Chúng ta đều mong cầu Phật bảo hộ, hy vọng Phật bảo hộ. Cầu Phật bảo hộ như thế nào? Y giáo phụng hành thì được chư Phật hộ niệm, không y giáo phụng hành, mà quý vị mỗi ngày dập đầu trước Phật, cúng thứ này cúng thứ kia, cầu Phật Bồ-tát đến bảo hộ quý vị, Phật Bồ-tát không nhận hồi lộ của quý vị, quý Ngài không bảo hộ quý vị được. Nếu quý vị chân thật y giáo phụng hành, thì chư Phật Bồ-tát sẽ tự nhiên hộ niệm quý vị. Đoạn này rất quan trọng, làm thế nào cầu Phật bảo hộ? Hãy y giáo phụng hành.

Nói khái quát về đoạn Kinh văn phía trước, thì có một số nội dung về các phương diện: Đạo lý và phương pháp tu học được nói trong bộ Kinh này: là nhằm giúp đỡ phàm phu chúng ta ngay trong đời này, có thể nâng cao đến địa vị thành Phật; Chuyển đổi đời sống khổ nạn hiện tiền, thành đời sống đại tự tại, đại viên mãn của Phật Bồ-tát, đồng thời còn nói với chúng ta, ghi nhận trước khi nào thành Phật. Vì để dạy bảo hàng Bồ-tát, nên mới biểu hiện làm A-xà-lê mô phạm thiện pháp, thường xuyên học tập không ngừng: giác mà không mê, chánh mà không tà, tịnh mà không nhiễm của Phật pháp. Đồng thời có thể vận dụng, vào trong tất cả sự hành trì của cuộc sống thường ngày. Mục đích đoạn Kinh văn này là gì? Là tán thán những vị đại Bồ-tát, có thể thành tựu vô biên thiện căn của Bồ-tát sơ học khác. Vì vậy mà được sự hộ niệm của mười phương chư Phật. Đoạn Kinh văn này giảng xong rồi. Xin xem đoạn Kinh văn kế tiếp:

**諸佛剎中皆能示現。譬善幻師，現眾異相，於彼相中，實無可得。此諸菩薩，亦復如是。 “Chư Phật sát trung, giai năng thị hiện. Thí thiện huyễn sư, hiện chúng dị tướng, u bĩ tướng trung, thật vô khả đắc. Thử chư Bồ-tát, diệc phục như thị.”**  
*(Trong tất cả cõi Phật đều có thể thị hiện như vậy. Như nhà ảo thuật giỏi*

*hiện ra các hình tướng khác nhau, nhưng các hình tướng ấy thật không đạt được. Các Bồ-tát này cũng lại như vậy).*

Trước tiên xin xem một số từ ngữ. “Phật sát” là chỉ cõi nước của mười phương chư Phật.

“Thị hiện” là chỉ tùy loại hóa hiện.

“Thiện huyễn sư” tỉ dụ cho nhà ảo thuật tài ba.

“Hiện chúng dị tướng”: nghĩa là có thể biến hóa nhiều loại hình tướng khác nhau.

“Bỉ tướng” là chỉ cho tất cả các hình tướng khác nhau đã nói ở trên.

“Thật vô khả đắc” là: “Phạm sở hữu tướng giai thị hư vọng, như mộng huyễn bào ảnh, liễu bất khả đắc”, nên không được chấp trước.

“Diệc phục như thị”. Nhằm nói rõ cách nhìn của Bồ-tát đối với tất cả pháp: giống như một nhà ảo thuật vậy.

Đoạn Kinh văn vừa rồi: hiển thị năng lực to lớn của Phật Bồ-tát, lớn đến chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta không cách nào tưởng tượng được, quý Ngài có thể: trong vô lượng vô biên thế giới của chư Phật mười phương, tùy loại hóa hiện vô lượng vô biên thân tướng, giống như nhà ảo thuật tài ba: có thể biến hóa ra rất nhiều hình tướng khác nhau. Mặc dầu những hình tướng này rất giống thật, nhưng đều ‘không thể đạt được’. Đoạn Kinh văn này: là nói nghĩa như thế. Đây chính là câu nói trong kinh Phật: “Nên dùng thân nào để độ được chúng sanh thì chư Phật Bồ-tát sẽ hiện thân đó, nên dùng Pháp môn nào để độ được, thì chư Phật Bồ-tát sẽ nói Pháp môn đó”. Chư Phật Bồ-tát có thể hiện vô lượng vô biên thân, có thể nói vô lượng vô biên Pháp môn, tuy có năng lực như vậy, nhưng ‘ở trong các tướng đó, thật không đạt được’,

đó là thật, xác thật là ‘không thể được’. Bởi vì “Phàm những gì có tướng, đều là hư vọng”. Chẳng những Hóa-thân của chư Phật, mà cho đến Báo-thân của chư Phật, Pháp-thân của chư Phật đều không đạt được. Thân thể hiện nay của chúng ta: đương nhiên cũng không đạt được. Không đạt được mà chúng ta phải muốn cho được, cho nên quý vị mới khổ.

Quý vị nghĩ xem Hóa-thân, Báo-thân và Pháp-thân của chư Phật đều không thể được, thì thân thể này của chúng ta làm sao có được chứ! Chúng sanh khổ sở do vì chấp chặt cái thân này, cho rằng thân này là chính mình. Còn Phật Bồ-tát thì thấy được rất rõ ràng. Đây chính là nguyên nhân khổ của chúng ta. Hiện nay chúng ta cả ngày: đều làm nô lệ cho cái túi da thối này, thật là mê hoặc điên đảo, quá đáng thương! Mọi người hãy xem lại đi, quý vị đối với thân xác thối tha này, có thái độ như thế nào? Tiết học trước tôi đã giảng rằng: không được chà đạp nó, cũng không thể xem trọng nó một cách quá đáng. Bởi vì thân thể này của chúng ta cũng không thể được.

Ngoài ra, phàm phu chúng ta nhìn thấy tất cả: dường như có sanh có diệt, thế nhưng chúng ta thật sự đã nhìn sai rồi. Kỳ thật là ‘duyên tụ duyên tán’, không có sanh không có diệt, đó mới là thật tướng của tất cả pháp. Thật tướng là duyên tụ duyên tán, không có sanh, không có diệt. Cho nên đối với tất cả pháp ‘thật không đạt được’. Nếu chúng ta có thể buông bỏ: ý niệm được mất, thì chúng ta sẽ rất tự tại, rất hạnh phúc, rất vui vẻ. Bởi vì phiền não của con người, hơn một nửa là vì lo được lo mất mà ra, chưa có được thì mỗi ngày muốn có được, có được rồi lại sợ nó mất đi. Kỳ thật căn bản là không được, cũng chẳng mất. Chúng ta cho rằng có được có mất, đó toàn là vọng tưởng vọng niệm. Chính vì những vọng tưởng vọng niệm này, mà đã mang đến rất nhiều tai nạn và đau khổ. Quả thật rất oan uổng! Bồ-tát đối với tình huống này, nhìn thấy rất rõ ràng. Cho nên Bồ-tát độ chúng sanh, thật sự

mà nói: là không có chúng sanh nào được độ. Bồ-tát không chấp tướng, không kể công. Cho nên quý Ngài không mất định ý. Tâm thanh tịnh Tự-tánh của quý Ngài vĩnh viễn được giữ gìn, không bị ô nhiễm. Chúng ta vì không nhìn thấy rõ vấn đề này, cho nên tâm thanh tịnh của chúng ta đã bị ô nhiễm.

Đoạn Kinh văn này hiển thị: Bồ-tát có trí huệ chân thật viên mãn, đối với chân tướng của tất cả pháp: rõ ràng, minh bạch, thấu triệt. Có thể thọ dụng một cách tự tại, nhưng tuyệt đối không có tâm niệm chiếm hữu. Đối với vấn đề này, nếu chúng ta hiểu rõ ràng, minh bạch, thì chúng ta được giải thoát, thân tâm đều giải thoát, sẽ không có đau khổ như thế, thậm chí là tai nạn.

Xin xem đoạn Kinh văn tiếp theo:

通諸法性，達眾生相。供養諸佛，開導群生。化現其身，猶如電光。裂魔見網，解諸纏縛。遠超聲聞辟支佛地，入空，無相，無願法門。善立方便，顯示三乘。 “Thông chư Pháp tánh, đạt chúng sanh tướng. Cúng dường chư Phật, khai đạo quần sanh. Hóa hiện kỳ thân, do như điện quang. Liệt ma kiến võng, giải chư triền phược. Viễn siêu Thanh-văn Bích-chi-Phật địa. Nhập Không, Vô tướng, Vô nguyện Pháp môn. Thiện lập phương tiện, hiển thị Tam thừa.”

*(Thông các Pháp tánh, đạt chúng sanh tướng, cúng dường chư Phật, khai đạo quần sanh, hóa hiện các thân, mau như ánh chớp. Phá lưới ma kiến, mở dây ràng buộc. Vượt xa địa vị Thanh-văn Bích-chi-Phật. Nhập vào Pháp môn: Không, Vô tướng, Vô nguyện. Khéo lập phương tiện, hiển thị Ba thừa).*



“Chư pháp tánh” chính là bản thể của tất cả pháp.

“Chúng sanh tướng” chính là hiện tướng của tất cả pháp.

“Cúng dường” ở đây được dựa trên hai mức độ mà nói. Mức độ thứ nhất là tài cúng dường, dùng tài vật trang nghiêm Đạo tràng, lưu thông Phật pháp, cung cấp những vật dụng cần thiết trong cuộc sống của người tu đạo. Đó là tài cúng dường.

Mức độ thứ hai là pháp cúng dường, y giáo phụng hành làm tấm gương cho chúng sanh, đây là pháp cúng dường.

“Khai đạo” nghĩa là gì? Nghĩa là khai thị và dạy dỗ.

“Quần sanh” là chỉ tất cả chúng sanh.

“Hóa hiện kỳ thân” là hóa ra đủ loại thân hình, tức là một người trong xã hội: hiển thị đủ loại thân phận khác nhau.

“Do như điện quang” tỉ dụ cho Hóa thân của Bồ-tát tốc độ nhanh, hình tướng tốt đẹp, thể tánh không tịch.

“Ma kiến” chính là tà tri tà kiến, cũng chính là kiến giải không chính xác.

“Võng” tỉ dụ cho sự đa dạng phức tạp.

“Triền phục” tỉ dụ dùng dây thừng mà trói lại, là tỉ dụ cho phiền-não.

“Viễn siêu” là siêu vượt rất xa. “Thanh-văn” chỉ cho loại người nghe âm thanh Phật giáo hóa, mà giác ngộ, nên gọi là Thanh-văn. Bích-chi-Phật, tiếng Hoa nghĩa là Duyên-giác, chỉ cho loại người do nghe Phật thuyết giáo pháp: Thập Nhị Nhân Duyên mà giác ngộ, gọi là Bích-chi-Phật.

“Không, Vô tướng, Vô nguyện” thông thường được gọi là ba cửa giải thoát. Khi tu học thì nương theo bất kỳ cửa nào, đều có thể vĩnh viễn đoạn được phiền-nã, giải thoát sanh tử, rốt ráo thành Phật.

“Không” là dựa trên lý thể mà nói, tất cả pháp đều do nhiều điều kiện hòa hợp mà thành, vả lại không có một tự thể thật sự. “Đương thể tức không”, cho nên gọi là thể không, cũng có nói là Tự-tánh không.

“Vô tướng” là dựa trên sự tướng mà nói, tất cả sự tướng đều do nhiều loại điều kiện hòa hợp mà thành, vả lại không ngừng biến hóa, hư vọng không thật, nên nói là Vô tướng. Cho nên nói: không có hiện tướng nhất định, bất biến.

Thế nào gọi là “Vô nguyện”? Vô nguyện còn gọi là Vô tác, là nói về mặt tác dụng, khi quan sát hiện tượng khởi tác dụng, tương ưng với tánh không, chẳng mảy may phân biệt, chấp trước thì gọi là Vô nguyện.

“Thiện lập” là khéo léo kiến lập.

“Phương tiện” là phương pháp tiện dụng.

“Tam thừa” là chỉ Bồ-tát, Thanh-văn, Duyên-giác, đây là ba loại học sinh mà Phật giáo hóa.

Tiếp theo chúng ta xem câu “thông chư Pháp tánh”, “chư pháp” chính là vạn pháp, chính là tất cả pháp thể xuất thế gian. Tánh là Bản tánh, trong Triết học gọi là Bản thể, Phật pháp gọi là Pháp tánh. Tất cả vạn pháp đều bắt nguồn từ Bản thể, cũng chính là bắt nguồn từ Pháp tánh. Vũ trụ từ đâu mà có? Hành tinh từ đâu mà có? Sinh vật từ đâu mà có? Người từ đâu mà có? Đều từ trong Tự-tánh mà đến. Bồ-tát đều hoàn toàn hiểu rõ chân tướng sự thật này, đó là Nhất-thiết-trí.

“Đạt chúng sanh tướng”, “tướng” này chính là hiện tướng, chính là biết tất cả thật tướng của hiện tướng, đây là Đạo-chủng-trí.

“Cúng dường chư Phật, khai đạo quần sanh”. Đây là giáo hóa chúng sanh. Trước tiên phải làm gương cho chúng sanh, đó là thân giáo. Cúng dường chư Phật là thân giáo. Phật đều cúng dường chư Phật, đều lễ kính chư Phật, đều tán thán chư Phật, dùng điều này để làm gương cho chúng sanh. Phật hiếu thuận cha mẹ, tôn kính sư trưởng, cũng là đang làm gương cho chúng ta.

“Khai đạo quần sanh” là ngôn giáo, chính là giảng Kinh thuyết Pháp. Hai câu Kinh văn này ‘cúng dường chư Phật là thân giáo, khai đạo quần sanh là ngôn giáo’.

Hai câu Kinh văn tiếp theo: “Hóa hiện kỳ thân, do như điện quang”, hai câu Kinh văn này là tỉ dụ, Phật Bồ-tát không dính tướng, điện quang có tác dụng nhưng nó bất trụ, tỉ dụ cho không chấp trước. Phật xuất hiện tại thế gian giáo hóa chúng sanh, thị hiện có tác dụng nhưng không chấp trước. Không chấp trước chính mình là Phật. “Ta là thầy có thể dạy các người, các người là học trò của ta, phải tiếp nhận sự giáo dục của ta”. Nếu có cách nghĩ như thế, thì có năng, có sở, có tự, có tha. Đó chính là phân biệt chấp trước, thân tâm sẽ không thanh tịnh. Tâm Phật thanh tịnh, trước giờ không động một ý niệm nào, Ngài đã làm được điều gì? Làm mà không làm, không làm mà làm. Làm mà không làm, không làm mà làm. Làm với không làm đồng thời phát sinh. Ví dụ giảng Kinh thuyết Pháp, là thuyết mà không thuyết, không thuyết mà thuyết. Mượn chính tôi để mà nói, ví dụ như tôi hiện đang giảng Kinh. Tôi chấp trước vào “tôi đang giảng Kinh”. Điều này tôi là chấp trước, giảng Kinh cũng là chấp trước. Như thế thì không phải là “thuyết mà chẳng thuyết, chẳng thuyết mà thuyết”. Bởi vì giáo học của Phật, và giáo học

của thế gian có sự khác biệt, là ở chỗ này. Chính là điều tôi đã nói ở trên, “làm mà không làm, không làm mà làm; nói mà không nói, không nói mà nói”. Bởi vì vậy, quý Ngài mới không cảm thấy mệt mỏi chán nản.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Quý ngài sẽ không có mệt mỏi, sẽ không có chán nản”, vì sao vậy? Bởi vì làm mà không làm. Phàm phu chúng ta làm việc, làm nhiều thì sẽ chán nản mệt mỏi. Phật mỗi ngày thuyết pháp: giống như chẳng thuyết vậy, mảy trần chẳng nhiễm, trong tâm thanh tịnh. Giống như một cái máy không ngừng hoạt động, nhưng nó không mệt mỏi, không có sự chán nản. Vì sao vậy? Bởi nó không có ý niệm. Trọng điểm ở chỗ này, bởi vì nó không có ý niệm, phàm phu chúng ta có ý niệm, tâm nghĩ: tôi đã làm nhiều việc như thế, tôi mệt rồi; Tôi đọc Kinh đã đọc nhiều lần như vậy, tôi chán rồi. Bởi vì phàm phu chúng ta có ý niệm.

Câu Kinh vẫn tiếp theo là: “do như điện quang”. Nói rõ điều gì vậy? Nói rõ có dụng mà không trụ, không chấp tướng. Bồ-tát trong mười phương thế giới độ hóa chúng sanh, Ngài có thể hóa thân, phổ biến ứng theo các loại căn cơ khác nhau, tùy loại hóa thân, không chấp tướng. “Điện quang” trong “do như điện quang” có bốn hàm nghĩa:

Hàm nghĩa thứ nhất tỉ dụ cho tốc độ rất nhanh. Mọi người đều biết tốc độ của ánh sáng vô cùng nhanh, cho nên hàm nghĩa thứ nhất là tốc độ rất nhanh. Nhắc nhở chúng ta đời người ngắn ngủi khổ sở. Chúng ta bình thường có thể chưa liên tưởng đến điều này. Tia chớp vừa lóe lên thì vụt qua rồi, đó chính là điện quang. Ánh chớp này nhắc nhở chúng ta đời người ngắn ngủi, sinh mạng vô thường. Chúng ta nghĩ đời này của chúng ta mấy mươi năm 70-80 năm, 80-100 năm, trên thực tế chỉ như ánh chớp mà thôi, vừa lóe lên thì vụt qua rồi.

Hàm nghĩa thứ hai tỉ dụ cho tác dụng. Nó mặc dù ngăn ngủi tạm bợ, nhưng nó có tác dụng chiếu sáng, có tác dụng chiếu soi, giúp đỡ chúng ta phá Vô minh phiền-não. Đây là hàm nghĩa thứ hai.

Hàm nghĩa thứ ba tỉ dụ cho không trụ. Trên Kinh Kim Cang giảng: “Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, không trụ chính là không chấp trước. Đối với tất cả pháp đều không chấp trước. Đây là hàm nghĩa thứ ba.

Hàm nghĩa thứ tư tỉ dụ cho không phân biệt, tia sáng phổ chiếu, tuyệt đối chẳng phải thích vật này nên chiếu sáng vật này, không thích vật kia nên không chiếu sáng vật kia, nói vậy rất đơn giản, rõ ràng, mọi người vừa nghe sẽ nghe hiểu được. Cho nên hai từ “điện quang” ngắn gọn này, bao hàm bốn tầng ý nghĩa.

Tiếp theo nói “liệt ma kiến võng”. Thế nào là ma? Ma ở đây, chính là khiến cho thân tâm của chúng ta: bị giày vò, bị thống khổ. Trong tâm của chúng ta có phiền não là khổ. Tâm của chúng ta có vướng mắc là khổ. Tất cả những sự việc không như ý: đều giày vò thân tâm của chúng ta. Người xưa nói “lo buồn có thể khiến người già”. Nếu quý vị thường xuyên lo buồn, thì sẽ già yếu rất nhanh. Sự ưu tư lo buồn này chính là ma. Chữ ma (魔) này do Lương Võ Đế tạo ra. Vốn dĩ chữ “ma” ở bên dưới có bộ “thạch” (石), là chữ “ma” (磨) này. Lương Võ Đế đổi bộ “quỷ” (鬼) ở bên dưới, biến nó thành chữ “ma” (魔) này. Tỉ dụ cho điều gì? Tỉ dụ cho gặp phải ma còn đáng sợ hơn gặp phải quỷ. Cho nên ma không phải chỉ cho ma quỷ mặt xanh nanh nhọn, mà chỉ thân tâm của chúng ta: bị tất cả người, sự và vật giày vò. Phàm tất cả những người, sự, vật khiến thân tâm quý vị bị giày vò thì đều là ma. Mọi người nói: sao ma lại có sức mạnh lớn đến như thế? Vì sao vậy? Là ở chữ “kiến”, chữ “kiến” trong từ “tái kiến”, là ở chữ “kiến” này. Có thể thấy,

ma không phải đến từ bên ngoài. Bên ngoài làm gì có ma, mà do kiến giải sai lầm của chúng ta. Vừa rồi chẳng phải đã nói: Vì sao ma có sức mạnh lớn như thế? Chính là ở chữ “kiến” này. Vì kiến giải sai lầm của chúng ta, quá thật rất nhiều, những kiến giải sai lầm này giống như một tấm lưới vậy, lý gì cũng không rõ ràng.

Chúng ta đối người, đối sự, đối vật có rất nhiều cách nhìn đều là sai lầm, thế nhưng chúng ta lại không nhận ra được. Bởi vì đem kiến giải sai lầm: cho là đúng rồi, nên mới khiến thân tâm của chính mình: bị vô lượng vô biên sự giày vò. Có thể nói những sự thống khổ này: là do chúng ta tự làm tự chịu, không phải do người khác mang đến, mà do mình tự tìm. Rất nhiều đồng tu nghe đến đây, trong tâm có lẽ không phục: “Sao lại nói do chính mình tìm kiếm, ai lại ngốc nghếch mà tìm kiếm ma cho chính mình chứ?” Thật sự là như vậy, quý vị suy nghĩ kỹ đi, chẳng phải nói “phải cầu ở trong, không cầu ở ngoài” đó sao, chúng ta tìm ma thì cũng phải hướng vào bên trong mà tìm, không nên hướng ra bên ngoài tìm ma. Ma là ở nơi chính mình, không ở nơi người khác.

Phật có phương pháp giúp đỡ chúng ta: phá trừ tất cả kiến giải sai lầm, đây chính là “liệt ma kiến võng”. Phật giúp đỡ chúng ta phá trừ “ma kiến võng”. Phá trừ nó, loại bỏ nó, Phật có phương pháp như vậy.

“Giải chư triền phược”, “triền phược” là phiền-não. Trong Kinh điển nói có 8 triền, 3 phược. Trước tiên chúng tôi nói về 8 loại triền.

Loại thứ nhất là “vô tâm”, “tâm” trong “tâm quý”.

Loại thứ hai là vô “quý”, “quý” trong “tâm quý”. Đó có nghĩa là gì? Là người không có tâm hổ thẹn, họ chẳng ác nào mà không làm. Riêng một chữ “tâm” này. Tâm được giải thích rõ ràng: là bị lương tâm cắn rứt, làm việc xấu, trong

tâm bất an thì gọi là “tâm”. “Quý” là người ngoài phê bình họ, khiển trách họ, cho nên họ không dám làm việc xấu, sợ người khác lên án. “Vô quý” nghĩa là gì? Đối với sự khiển trách ở bên ngoài không một chút quan tâm, làm theo ý của mình, vẫn làm việc ác, không chịu giác ngộ, đó gọi là “vô quý”. Thế nên, kết hợp lại: “vô tâm, vô quý” chính là ở trước đã nói: người không có tâm hổ thẹn, không ác nào mà họ chẳng làm, chính là nghĩa như vậy. Đó là loại thứ nhất, và loại thứ hai là: vô tâm vô quý.

Loại thứ ba là “tật đố”. Đây là chướng ngại lớn đối với người tu hành, không muốn thấy người khác giỏi hơn mình, không muốn thấy người khác mạnh hơn mình. Chẳng những chướng ngại đạo nghiệp của chính mình, mà quý vị còn tạo tác rất nhiều tội nghiệp. Tạo tác tội nghiệp thì tương lai phải chịu quả báo. Thế nên, nhất định không được có tâm tật đố.

Loại thứ tư là “xan lận”, chúng ta thường gọi là keo kiệt. Tất cả những gì mình có, không chịu đem ra để giúp đỡ người khác, đó gọi là “xan lận”, là loại triền thứ tư.

Loại thứ năm là “ác tác”. Thế nào là “ác tác”? Tất cả những hành vi bất thiện: không hợp đạo lý đều gọi là “ác tác”.

Loại thứ sáu là “thụy miên”. Là ngủ quá nhiều, hôn trầm. Việc này có lẽ chúng ta không tưởng tượng rằng: “Ngủ cũng là là một loại trong tám triền u?”. Đúng là như vậy! Nó xếp ở vị trí thứ 6. Có người chúng ta ngủ một giấc không đủ, đó thuộc về một loại của tám triền, quý vị đã phạm phải rồi.

Loại thứ bảy là “trạo cử”, vọng niệm trong tâm nhiều, tâm không định được, lăng xăng lộn xộn, đó gọi là trạo cử.

Loại thứ tám là “hôn trầm”. Hôn trầm hiện nay chúng ta gọi là: không đề khởi tinh thần được, gọi là hôn trầm. Ví dụ có người: vừa nghe Kinh là ngủ,

đó chính là hôn trầm, cứ niệm Phật là ngủ, đó chính là hôn trầm. 8 loại trên đây chính là: 8 loại triền phược mà trong kinh Phật đã nói, là Bát triền. Có những thứ này quý vị có thể tự tại được chăng? 8 loại triền phược kể trên, nếu đã có chúng, thì chúng ta không thể tự tại.

Tiếp theo lại nói về Tam phược. Phần trên là Bát triền, phần dưới là Tam phược. Phược là gì? Là trói buộc, giống như dùng dây thừng trói lại. Tam phược là gì? Chính là ba độc tham sân si. Chúng tôi luôn luôn đều nhắc đến: ba thứ tham sân si, vì chúng có ảnh hưởng đến chúng ta: rất nghiêm trọng, rất lớn. Hiện giờ, Bát triền Tam phược đã nói xong rồi. Mọi người chúng ta xét xem: Bát triền Tam phược phạm phu chúng ta thấy đều có đủ, chẳng thiếu thứ nào, chỉ là mức độ nhiều ít khác nhau mà thôi. Có phải vậy không? Ai có thể đứng lên nói rằng: tôi đã hết Bát triền, tôi cũng chẳng có Tam phược? Tôi thấy không người nào có thể nói như vậy cả. Phật đại từ đại bi không nỡ để chúng sanh khổ, muốn giúp đỡ chúng ta giải thoát từ trong thống khổ. Giải Bát triền Tam phược, thoát Lục đạo luân hồi. Nhân duyên của Lục đạo luân hồi được cởi giải, thì quả báo là được thoát. Quan trọng nhất là làm sao đem nghiệp duyên của chúng ta, giải trừ được hết. Nếu duyên đó không còn nữa, thì Bát triền đó cũng hết, Tam phược cũng hết. chúng không tồn tại nữa.

Nếu chúng ta đời này, không muốn liễu sanh tử, xuất tam giới thì quý vị hãy tiếp tục như vậy. Còn nếu đời này thật sự muốn cầu sanh Tịnh-độ, thì phải hạ công phu tu hành, không thể tiếp tục như vậy nữa.

Kinh văn tiếp theo là: “viễn siêu Thanh-văn, Bích-chi-Phật địa”. Thanh-văn là tứ quả La-hán của Tiểu thừa. Bích-chi-Phật là Duyên-giác, cũng là Tiểu thừa.



“Nhập không, Vô tướng, Vô nguyện Pháp môn”, ba Pháp môn: Không, Vô tướng, Vô nguyện ví như cánh cửa, từ đó chúng ta có thể khế nhập thật tướng. Ba pháp này có thể giúp chúng ta chứng nhập Chân như Bản tánh. Từ cửa nào khế nhập đều có thể chứng đắc cả. Có thể nói, ba cửa này: là ba con đường chứng đắc minh tâm kiến tánh. Đó chính là con đường, bắt buộc phải đi qua ba cửa này. Quý vị lựa chọn cửa nào để khế nhập đều được cả.

Có người bước vào từ cửa “Không”, nhưng nếu quý vị chấp vào tướng của “không”, thì quý vị không thể bước vào cửa “Không” được. Vì sao vậy? Bởi chân tâm lìa niệm. Chân tâm không có vọng niệm. Thấy được chân tướng, “kiến” trong “tái kiến”, “thấy được chân tướng”, sự thấy đó: Vốn chính là ý niệm. Có ý niệm này, sẽ chướng ngại Tự-tánh, quý vị không thể vào được cửa “Không”.

Có người vào từ cửa Vô tướng, tướng là hiện tướng, có tướng, nhưng là tướng giả, chẳng phải thật. Bởi vì những tướng đó là “đương thể tức không”. Xin nêu một ví dụ. Thời cận đại chúng ta có một Pháp sư nổi tiếng: tên là Viên Anh Pháp sư. Pháp sư Viên Anh từng kể một câu chuyện thế này. Ngài kể có một ngày ngài đang tọa thiền ở trong phòng, trong tâm rất thanh tịnh, đột nhiên nghĩ đến một sự việc, cần phải ra ngoài làm ngay. Sau khi ngài bước xuống giường, thì đi một mạch ra ngoài. Đến bên ngoài thì ngài đột nhiên nghĩ: cửa đang khóa, sao mình có thể đi ra được vậy? Ngài quay đầu lại đẩy cửa, quả thật cửa đã khóa. Trong một ý niệm ngài quên mất là có cái cửa, cho nên ngài đã không chấp trước vào cái cửa đó, ngài đã đi qua nó. Sau đó ngài sinh ra ý niệm là có một cái cửa, cho nên ngài không bước vào được, ngài có thể bước ra được, nhưng quay lại thì không thể bước vào. Vì sao vậy? Khi bước ra ngài không có ý niệm, không có chấp trước có cửa đó, nhưng khi quay lại thì ngài chấp trước “cửa ta đã đóng”, cho nên ngài không

quay vào trong được. Câu chuyện này chứng minh điều gì? Chứng minh tướng là giả, không phải thật. Cho nên có khi, chúng ta chấp là có tướng thì sai rồi, chấp là không có tướng cũng sai luôn. Phải lia khỏi hai bên có và không, thì quý vị mới có thể bước vào cửa Vô tướng. Quý vị thấy việc này khó, phải vậy không? Quý vị đã không chấp là tướng của có, cũng không được chấp là tướng của không. Hai bên có không đều chẳng chấp, thì vào được cửa Vô tướng. Đó là cửa thứ hai.

Có người vào từ cửa Vô nguyện, Vô nguyện chính là Vô tác. Phật độ chúng sanh chính là “làm mà không làm, không làm mà làm”, còn chúng ta thứ gì cũng chấp tướng. Ví dụ giảng Kinh thì chấp vào tướng tôi đang giảng Kinh, tôi đang giảng Kinh, có “tôi” tức là đã chấp vào tướng của ngã rồi, giảng Kinh tức là chấp vào tướng của pháp rồi, ngã chấp, pháp chấp đều có đủ.

Kinh Phật nói, Phật giảng Kinh: không chấp vào ngã tướng năng thuyết, cũng không chấp vào pháp tướng năng thuyết, càng không chấp trước vào tướng chúng sanh đang nghe Kinh, Ngài liền được đại tự tại. Cho nên trong Phật pháp Đại Tiểu thừa, Phật nói khế nhập thật tướng chính là qua ba cửa này: “nhập Không, Vô tướng, Vô nguyện Pháp môn”.

Hôm nay thời gian đã hết, tiết học này xin giảng đến đây. Tiết học sau sẽ giảng tiếp. Cảm ơn mọi người. A Di Đà Phật.

**(Hết tập 8)**

Nguyện dĩ thử công đức

Trang nghiêm Phật Tịnh-độ

Thượng báo tứ trọng ân

Hạ tế tam đồ khổ

Nhược hữu kiến văn giả  
Túc phát Bồ-đề tâm  
Tận thử nhất báo thân  
Đồng sanh Cực Lạc quốc.  
**Nam Mô A Mi Đà Phật**